

**4 THÁNG ĐẦU NĂM 2023, KIM NGẠCH THƯƠNG MẠI HAI CHIỀU GIỮA
VIỆT NAM VÀ BRA-XIN ĐẠT 2,32 TỶ USD**

Theo số liệu của Tổng Cục hải quan Việt Nam, trong 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Bra-xin đạt 2,32 tỷ USD, giảm 2.4% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Bra-xin đạt hơn 855 triệu USD, tăng 14%, Việt Nam nhập khẩu từ Bra-xin đạt 1,4 tỷ USD, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2022.

**Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Bra-xin
trong 4 tháng đầu năm 2023**

Đơn vị USD

STT	Tên mặt hàng	4T/2023	Tăng/giảm so với 4T/2022(%)
1	Điện thoại các loại và linh kiện	227,069,703	-13.73
2	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	139,131,572	19.43
3	Hàng hóa khác	89,071,985	28.80
4	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	90,221,061	25.05
5	Phương tiện vận tải và phụ tùng	103,353,728	79.66
6	Hàng thủy sản	25,059,652	-33.64
7	Giày dép các loại	49,466,653	13.75
8	Hàng dệt, may	20,349,870	14.97
9	Xơ, sợi dệt các loại	14,510,200	12.37
10	Cao su	4,815,343	-41.51
11	Sản phẩm từ cao su	9,144,733	28.28
12	Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	5,224,699	-19.39
13	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	6,884,836	27.88
14	Sản phẩm từ sắt thép	5,751,742	68.15
15	Kim loại thường khác và sản phẩm	9,954,063	107.22
16	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	4,326,264	-5.61

STT	Tên mặt hàng	4T/2023	Tăng/giảm so với 4T/2022(%)
17	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1,716,933	-48.42
18	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	475,949	-42.67
19	Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	43,665	-84.49
20	Sắt thép các loại	48,892,833	345.97
	Tổng cộng	855,465,484	14.70

Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam

Các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang Bra-xin trong 4 tháng đầu năm 2023 tăng ở một số mặt hàng, như hàng dệt may (14%), máy móc và thiết bị (25%), túi sách, vali (27%), phương tiện vận tải và phụ tùng (79%), sắt thép các loại tăng đột biến (345%), kim loại thường khác và sản phẩm (107%), xơ, sợi dệt các loại (12%). Một số sản phẩm có chiều hướng giảm như hàng thủy sản (-33%), cao su (-41%), nguyên phụ liệu dệt may, da giày (-48%), điện thoại và linh kiện (-13%).

Hiện nay, do chi phí vận chuyển và logistic tăng đã tác động đến hoạt động xuất khẩu. Bên cạnh đó, thị trường vẫn còn nhiều bất ổn do đại dịch Covid-19 gây ra và đặc biệt tình hình chiến sự Ukraine và Nga đã tác động tiêu cực cho xuất khẩu và tiêu thụ hàng hóa, điều đó ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam và ảnh hưởng dây chuyền đến các hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước trong đó có Brazil, tình hình xung đột Nga-Ukraine, tạo ra một số khó khăn trong các hoạt động xuất nhập khẩu

**Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ Bra-xin
trong 4 tháng đầu năm 2023**

Đơn vị USD

STT	Tên mặt hàng	4T/2023	Tăng/giảm so với 4T/2022(%)
1	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	166,311,463	-43.77
2	Bông các loại	182,941,440	-44.88
3	Ngô	452,078,850	333.61
4	Đậu tương	180,365,537	-39.92
5	Quặng và khoáng sản khác	207,451,811	-13.00
6	Hàng hóa khác	121,438,309	15.97
7	Lúa mì	95,821,697	-7.23

STT	Tên mặt hàng	4T/2023	Tăng/giảm so với 4T/2022(%)
8	Gỗ và sản phẩm gỗ	10,603,888	-65.64
9	Nguyên phụ liệu thuốc lá	5,031,804	-72.18
10	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	18,559,513	-32.17
11	Chất dẻo nguyên liệu	13,125,388	34.84
12	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	10,735,001	119.64
13	Hóa chất	877,397	-67.20
14	Chế phẩm thực phẩm khác	491,483	-64.15
15	Hàng rau quả	1,411,393	-2.99
16	Sắt thép các loại	591,287	-99.03
	Tổng cộng	1,468,397,856	-10.26

Nguồn: Tổng Cục Hải quan Việt Nam

Về nhập khẩu, các sản phẩm nhập khẩu chính của Việt Nam từ Bra-xin giảm nhẹ trong 4 tháng đầu năm 2023, nguyên nhân vì Việt Nam chủ yếu cần nhập các mặt hàng nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước đáp ứng cho nhu cầu trong nước và phục vụ sản xuất để xuất khẩu, tuy nhiên tình hình xuất khẩu giảm, nên nhu cầu về nguyên phụ liệu cho sản xuất giảm. Mặc dù vậy, một số mặt hàng vẫn tăng nhập khẩu cho nhu cầu chế biến, sản xuất, cụ thể ngô (333%), chất dẻo nguyên liệu (tăng 34%), máy móc, thiết bị phụ tùng (tăng 119%). Nguyên nhân là để đáp ứng nhu cầu cao về nguyên phụ liệu cho ngành công nghiệp chế biến trong nước, đáp ứng nhu cầu sản xuất phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu các thị trường khác.

Một số sản phẩm có chiều hướng giảm như gỗ và sản phẩm gỗ (-65%), các chế phẩm thực phẩm khác (-64%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (-43%), nguyên liệu thuốc lá (-72%), nguyên liệu dệt may, da giày (-32%).

Do các biến động thị trường thế giới, ảnh hưởng đến các đơn hàng xuất khẩu của cả nước sở tại và Việt Nam, các mặt hàng không cấp thiết có sự giảm rõ rệt như gỗ, nội thất, lĩnh vực hàng dệt may, giày da,... kim ngạch các mặt hàng xuất nhập khẩu có biến động tăng và giảm nhẹ ở một số mặt hàng so với cùng kỳ năm trước, nhằm đáp ứng phù hợp với nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất của nước ta.

Thương vụ Việt Nam tại Brazil tổng hợp